

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2454/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 20 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình Khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/05/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/05/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 331/TTr-SCT ngày 08/10/2020 về việc ban hành Chương trình Khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.



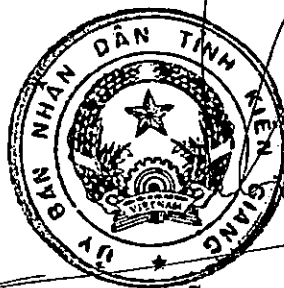
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P. KT, P.TH;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, tmchau (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chín



CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 245A /QĐ-UBND ngày 20 / 10 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

a) Huy động các nguồn lực trong và ngoài tỉnh tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các dịch vụ khuyến công, góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

b) Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu tại chỗ; giảm thiểu và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Ưu tiên hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp nông thôn về đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp, đào tạo lao động, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến và chuyển giao công nghệ, thông tin về thị trường, nhu cầu về sản phẩm, tuyên truyền và xây dựng, quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổ chức 05 khóa tập huấn nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp.
- Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến và xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật cho khoảng 42 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.
- Trên 50 sản phẩm được bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; trên 06 sản phẩm được bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực và cấp quốc gia.
- Hỗ trợ xây dựng 24 phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các cơ sở công nghiệp nông thôn.
- Tham gia 15 cuộc hội chợ trưng bày sản phẩm công nghiệp nông thôn.



- Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 06 cơ sở.
- Tổ chức 10 hình thức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về khuyến công trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Hỗ trợ 16 cơ sở công nghiệp nông thôn thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói.
- Xây dựng và đăng ký thương hiệu cho 05 cơ sở công nghiệp nông thôn.
- Tổ chức 09 lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công, xây dựng mạng lưới cộng tác viên khuyến công cấp huyện giai đoạn năm 2021 - 2025 cho 15 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
- Tổ chức 05 hội nghị, hội thảo về khuyến công.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế quản lý kinh phí khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, bao gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn (CNNT) áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Về hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý

a) Trang bị kiến thức và nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp, nhận thức về áp dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở CNNT, tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT có khả năng cạnh tranh trên thị trường theo hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

b) Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở CNNT.

2. Về hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp; mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn

a) Hỗ trợ các cơ sở CNNT đầu tư xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật áp dụng công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, mô hình thí điểm áp dụng sản xuất sạch hơn và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhằm khuyến khích các cơ sở CNNT đầu tư đổi mới công nghệ tiên tiến, hiện đại, từ đó nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Ưu tiên lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp cơ khí đóng mới và sửa chữa tàu; làng nghề tiểu thủ công nghiệp phù hợp với thế mạnh của địa phương.

b) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới hoặc công nghệ mới; hỗ trợ chuyển giao và ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, góp phần nâng cao trình độ công nghệ, thiết bị, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cho các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh.

c) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá và áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn trong một số ngành công nghiệp trọng điểm; hỗ trợ xây dựng thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất sạch hơn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nhằm nâng cao được hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo cho các cơ sở CNNT phát triển bền vững.

d) Tổ chức hội thảo tập huấn phổ biến kiến thức áp dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở CNNT.

3. Về phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện trên cơ sở đó lựa chọn các sản phẩm được bình chọn cấp tỉnh tham gia bình chọn cấp khu vực, cấp quốc gia.

b) Hỗ trợ các cơ sở CNNT và làng nghề giới thiệu sản phẩm với khách hàng trong và ngoài nước; hỗ trợ các cơ sở đưa các sản phẩm tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh, để các khách hàng trong và ngoài nước tìm hiểu và biết đến các sản phẩm CNNT trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, là cơ hội để các cơ sở CNNT trong tỉnh so sánh chất lượng hàng hóa của cơ sở mình, nhu cầu thị hiếu của thị trường để thay đổi mẫu mã sản phẩm cho phù hợp.

c) Hỗ trợ các cơ sở CNNT có sản phẩm tiêu biểu mở rộng sản xuất, thị trường, cải tiến công nghệ, mẫu mã, bao bì đóng gói; hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, xây dựng hệ thống phân phối.

d) Hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các cơ sở CNNT.

4. Về hoạt động tư vấn khuyến công

a) Tư vấn, hỗ trợ các cơ sở CNNT: lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới,...

b) Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

5. Về cung cấp thông tin, chính sách

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến trên phương tiện thông tin đại chúng về các chính sách phát triển công nghiệp, chính sách khuyến công; giới thiệu thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp thông qua các hình thức như: xây dựng chuyên mục truyền hình, truyền thanh, chuyên đề,... đến các ngành liên quan, các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh được biết để tổ chức thực hiện.

b) In ấn, xuất bản các bản tin khuyến công, công thương, các ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu khác.

6. Về hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường

a) Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, nhằm thu hút và tạo điều kiện cho các cơ sở tham gia đầu tư phát triển các cụm công nghiệp tại những địa bàn khó khăn, công nghiệp chậm phát triển của địa phương; tạo điều kiện về hạ tầng thu hút các cơ sở CNNT tham gia đầu tư sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp.

b) Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cụm công nghiệp.

c) Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho các cơ sở CNNT.

7. Về hợp tác quốc tế về khuyến công

a) Hỗ trợ trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, quản lý phát triển cụm công nghiệp, làng nghề với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Hỗ trợ nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát nước ngoài.

8. Về nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trong công tác khuyến công

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

b) Tổ chức khảo sát học tập kinh nghiệm khuyến công trong nước gồm: cán bộ một số ngành liên quan; Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố và các cơ sở CNNT.

c) Tổ chức các hội nghị triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công; hội nghị, hội thảo liên quan đến công tác khuyến công.

d) Xây dựng đội ngũ cộng tác viên khuyến công cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

đ) Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh.

e) Xây dựng Chương trình Khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2026-2030; kế hoạch khuyến công hàng năm.

IV. NGUỒN VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình: 47.585 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí khuyến công địa phương là: 24.050 triệu đồng.

- Kinh phí các thành phần kinh tế tham gia là: 23.535 triệu đồng. Cụ thể:

Năm	Tổng kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Trong đó	
		Nguồn kinh phí khuyến công địa phương (triệu đồng)	Nguồn kinh phí từ các thành phần kinh tế tham gia (triệu đồng)
2021	8.063	4.658	3.405
2022	11.758	4.718	7.040
2023	7.678	4.838	2.840
2024	12.313	4.938	7.375
2025	7.773	4.898	2.875
Tổng	47.585	24.050	23.535

2. Ngân sách Nhà nước đảm bảo bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình. Ngoài ra, thực hiện lồng ghép kinh phí từ các nguồn vốn khác như: khoa học công nghệ, quỹ môi trường, dự án sản xuất sạch hơn, dự án giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

3. Hàng năm, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Công Thương có trách nhiệm xây dựng, quản lý kinh phí theo quy định hiện hành để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế, chính sách

Rà soát lại các cơ chế, chính sách liên quan đến công tác khuyến công đã ban hành để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Thực hiện đồng bộ các nội dung chương trình, kế hoạch về khuyến công, chú trọng phát triển các ngành nghề, các làng nghề đang có xu hướng phát triển. Tập trung chỉ đạo giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp, cải cách các thủ tục hành chính, giúp doanh nghiệp ổn định phát triển.

2. Về tổ chức bộ máy

Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác khuyến công theo hướng chuyên nghiệp; củng cố và tăng cường năng lực quản lý Nhà nước về khuyến công đối với cấp huyện.

Quan tâm chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất; xây dựng mạng lưới cộng tác viên khuyến công cấp huyện, nhằm bảo đảm hệ thống bộ máy hoạt động khuyến công từ cấp tỉnh đến các địa phương đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động khuyến công theo quy định.

3. Về tổ chức triển khai thực hiện

Tập trung hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm những đề án khuyến công nhằm tạo ra những sản phẩm chủ lực của tỉnh, phù hợp với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang.

Đẩy mạnh mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới cho các cơ sở CNNT, tạo ra sản phẩm tiên tiến có tính cạnh tranh với các sản phẩm khác.

4. Về công tác thông tin tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chủ trương, chính sách của Nhà nước về khuyến công đến các đối tượng áp dụng tham gia; thực hiện trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm công tác triển khai các đề án khuyến công nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động khuyến công của tỉnh, từ đó huy động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia và hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công.

5. Về công tác phối hợp

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo, đài của Trung ương và địa phương để thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến công, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ từ Chương trình khuyến công.

Tiếp tục phối hợp, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình OCOP, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tích cực khai thác, tìm kiếm, phối hợp các tổ chức, cá nhân để huy động các nguồn lực và nguồn vốn hợp pháp khác.



Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội, các viện, trường,... để triển khai hoạt động của Chương trình khuyến công.

6. Giải pháp về kinh phí

Chủ động, tranh thủ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương hàng năm; bố trí lồng ghép kinh phí triển khai dự án với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh có liên quan, các nguồn vốn xã hội hóa tham gia vào Chương trình khuyến công và vốn đối ứng của doanh nghiệp tham gia.

Bảo đảm cân đối bố trí kinh phí khuyến công hàng năm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu của hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện Chương trình một cách hiệu quả nhất.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm theo nội dung Chương trình này.

b) Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí các đề án thực hiện bằng nguồn kinh phí khuyến công quốc gia gửi Cục Công Thương địa phương thẩm định, trình Bộ Công Thương phê duyệt.

c) Căn cứ Chương trình khuyến công địa phương được UBND tỉnh phê duyệt và kết quả thẩm định Đề án khuyến công, Sở Công Thương tổng hợp vào dự toán kinh phí hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

d) Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về hoạt động khuyến công của địa phương phù hợp với quy định hiện hành.

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu phát triển tại địa phương.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định pháp luật về ngân sách Nhà nước.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí khuyến công địa phương hàng năm theo quy định hiện hành.



3. Các Sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp Sở Công Thương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chương trình.

4. UBND các huyện, thành phố

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách về khuyến công và nội dung Chương trình này đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn được biết để triển khai thực hiện.

b) Hàng năm, căn cứ vào các nội dung của Chương trình và các văn bản có liên quan, xây dựng kế hoạch khuyến công của địa phương gửi Sở Công Thương, để tổng hợp vào kế hoạch khuyến công hàng năm.

c) Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Đề án khuyến công trên địa bàn; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các cơ sở CNNT, nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung Chương trình.

5. Chế độ thông tin, báo cáo định kỳ

Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện về cho Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành và địa phương chủ động báo cáo, đề xuất thông qua Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.



**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị	Số lượng	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)			Thời gian triển khai	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
				Tổng số	Vốn NS	Vốn khác			
I	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý								
	Tổ chức khóa tập huấn nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp	Lớp	05	125	125	-	Hàng năm	Sở Công Thương	UBND các huyện, TP
II	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp; mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn								
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới hoặc công nghệ mới	Mô hình	02	8.000	2.000	6.000	2021 - 2025	Sở Công Thương	UBND các huyện, TP
2	Hỗ trợ cơ sở CNNT chuyển giao và ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới	Cơ sở	28	16.800	8.400	8.400	2021 - 2025	Sở Công Thương	UBND các huyện, TP
3	Tổ chức hội thảo, tập huấn phổ biến kiến thức cho các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất	Cuộc	05	175	175	-	Hàng năm	Sở Công Thương	UBND các huyện, TP
4	Xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	Mô hình	02	4.000	1.000	3.000	2021 - 2025	Sở Công Thương	UBND các huyện, TP



TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị	Số lượng	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)			Thời gian triển khai	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
				Tổng số	Vốn NS	Vốn khác			
III	Hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu								
1	Tham gia bình chọn và tham gia trưng bày giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp khu vực phía Nam, cấp Quốc gia	Cuộc	02	200	200	-	2021 - 2025	Sở Công Thương	Các ngành liên quan
2	Tham gia hội chợ trưng bày sản phẩm công nghiệp nông thôn	Cuộc	15	1.500	1.500	-	Hàng năm	Sở Công Thương	Các ngành liên quan
3	Xây dựng và đăng ký thương hiệu cho các cơ sở CNNT	Cơ sở	05	350	175	175	2021 - 2025	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT TB cấp tỉnh	Đợt	03	480	480	-	2021, 2023	Sở Công Thương	Các ngành liên quan
5	Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT TB cấp huyện	Đợt	45	3.600	3.600	-	2021-2025	Sở Công Thương	UBND các huyện, TP
6	Hỗ trợ xây dựng phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các cơ sở công nghiệp nông thôn	Cơ sở	24	720	720	-	2021 - 2025	Sở Công Thương	UBND các huyện, TP
7	Chi thưởng cho sản phẩm CNNT TB cấp huyện	Cơ sở	120	180	180	-	2021 - 2025	Sở Công Thương	-
8	Chi thưởng cho sản phẩm CNNT TB cấp tỉnh	Cơ sở	210	630	630	-	2021 - 2025	Sở Công Thương	-

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị	Số lượng	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)			Thời gian triển khai	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
				Tổng số	Vốn NS	Vốn khác			
IV	Hỗ trợ hoạt động tư vấn khuyến công								
	Hỗ trợ cơ sở CNNT thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói	Cơ sở	16	1.120	560	560	2021 - 2025	Sở Công Thương	UBND các huyện, TP
V	Hỗ trợ cung cấp thông tin, chính sách								
1	Thực hiện phóng sự truyền hình tuyên truyền chính sách khuyến công	Lướt	10	200	200	-	Hàng năm	Sở Công Thương	Đài PT - TH KG, Báo KG
2	In ấn phát hành tờ rơi, tờ gấp phục vụ công tác thông tin tuyên truyền	Ấn phẩm	03	30	30	-	Hàng năm	Sở Công Thương	-
VI	Hỗ trợ liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường								
	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho cơ sở CNNT	Dự án	06	7.200	1.800	5.400	2021 - 2025	Sở Công Thương	UBND huyện, TP
VII	Hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến công								
	Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế	Lớp	04	120	120	-	2022 - 2025	Sở Công Thương	Các ngành liên quan

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị	Số lượng	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)			Thời gian triển khai	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
				Tổng số	Vốn NS	Vốn khác			
VIII	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trong công tác khuyến công								
1	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ khuyến công	Lớp	09	225	225	-	Hàng năm	Sở Công Thương	UBND huyện, TP
2	Tổ chức chuyển tham quan học tập kinh nghiệm khuyến công trong nước	Đợt	02	140	140	-	2021 - 2025	Sở Công Thương	Các ngành liên quan
3	Tổ chức hội nghị, hội thảo về khuyến công	Hội nghị	05	200	200	-	Hàng năm	Sở Công Thương	-
4	Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công	Dự án	01	150	150	-	2021	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và ĐT
5	Khảo sát, xây dựng kế hoạch khuyến công	Đợt	05	100	100	-	Hàng năm	Sở Công Thương	UBND huyện, TP
6	Chi thù lao cho cộng tác viên khuyến công	Người	75	1.341	1.341	-	2021-2025	Sở Công Thương	-


 A circular official stamp of the Ministry of Industry and Trade of Vietnam, containing the text "LƯU KIẾN" and "4.1.0" around the perimeter.